

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2 /CBTT-CPTN

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thống Nhất
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thống Nhất
- Trụ sở chính: Đường số 2A, KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 392 4377 Fax: (061) 392 4692
- Website: www.bauxeo.com.vn
- Người được ủy quyền CBTT: Nguyễn Hữu Trí
- Chức danh: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Thống Nhất công bố Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/02/2017 tại đường dẫn www.bauxeo.com.vn mục Quan hệ cổ đông

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Trảng Bom, ngày 14 tháng 02 năm 2017
Người được Ủy quyền Công bố thông tin
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN HỮU TRÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

MS.C.

B.S.H.T.V.

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-27
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-27



Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600667859 (số cũ: 4703000095) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 09 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Tịnh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên
Ông Lê Văn Liêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đào Sĩ Du	Trưởng ban
Ông Lê Minh Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Văn Hùng

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017

5-006-
IÁNH
TNHH
M TOAI
3C
IO CHIN



Số: 09 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thống Nhất được lập ngày 03 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.899.449.786	112.686.911.467
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	74.401.578.891	36.002.265.230
111	1. Tiền		901.578.891	602.265.230
112	2. Các khoản tương đương tiền		73.500.000.000	35.400.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	23.500.000.000	71.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.500.000.000	71.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.879.310.352	3.612.168.961
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.650.106.741	2.021.806.462
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	488.950.000	219.250.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	740.253.611	1.371.112.499
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.560.543	1.572.477.276
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		118.560.543	1.572.477.276
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		393.588.972.999	382.031.190.415
220	II. Tài sản cố định		170.908.283.073	150.073.964.942
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	170.908.283.073	150.073.964.942
222	- Nguyên giá		223.314.858.243	191.499.540.709
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.406.575.170)	(41.425.575.767)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	52.818.655.450	62.385.026.715
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		52.818.655.450	62.385.026.715
260	V. Tài sản dài hạn khác		169.862.034.476	169.572.198.758
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	169.455.777.229	169.084.608.868
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.a	406.257.247	487.589.890
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>498.488.422.785</u>	<u>494.718.101.882</u>

01
CH
CỎ
I. ANI
S. AN 4

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		360.823.075.137	359.618.641.909
310	I. Nợ ngắn hạn		25.269.522.483	27.331.050.371
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.806.263.285	8.292.126.666
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	378.998.316	1.231.006.806
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.303.966.587	757.118.801
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	9.001.226.472	8.835.194.484
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	8.771.304.574	8.207.387.240
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.763.249	8.216.374
330	II. Nợ dài hạn		335.553.552.654	332.287.591.538
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	335.553.552.654	332.287.591.538
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.665.347.648	135.099.459.973
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	137.665.347.648	135.099.459.973
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.000.000.000	82.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		82.000.000.000	82.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.189.756.093	27.003.294.006
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.475.591.555	26.096.165.967
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.782.469.503	3.206.790.888
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		22.693.122.052	22.889.375.079
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		498.488.422.785	494.718.101.882

Phan Thị Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Hữu Trí
Kế toán trưởng

Lê Văn Hùng
Chủ tịch HĐQT
Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	59.390.847.713	67.397.918.810
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.390.847.713	67.397.918.810
11	4. Giá vốn hàng bán	19	27.381.335.248	33.502.224.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.009.512.465	33.895.694.748
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	5.538.963.836	6.463.169.214
22	7. Chi phí tài chính	21	34.770	84.505.309
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	69.584.133
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15.936.030.291	15.340.579.011
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.612.411.240	24.933.779.642
31	11. Thu nhập khác	23	3.325.137.890	242.246.758
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		3.325.137.890	242.246.758
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.937.549.130	25.176.026.400
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.163.094.435	2.305.014.091
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.b	81.332.643	(18.362.770)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>22.693.122.052</u>	<u>22.889.375.079</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.767	2.791

Phan Thị Thủy Dung
Người lập

Nguyễn Hữu Trí
Kế toán trưởng

Lê Văn Hùng
Chủ tịch HĐQT
Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017



006
ANH
TNHH
TOÁ
C
5 CHỈ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.937.549.130	25.176.026.400
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.095.599.403	9.119.925.613
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(77.649)	(161.273)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.538.851.417)	(6.462.915.659)
06	- Chi phí lãi vay		-	69.584.133
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.494.219.467	27.902.459.214
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.439.083.546)	3.122.373.299
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		442.407.284	5.630.689.629
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(371.168.361)	(9.684.501.743)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(69.584.133)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.618.037.741)	(2.240.710.715)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.087.687.502)	(949.632.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.420.649.601	23.711.093.551
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.363.546.269)	(23.069.432.009)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(114.700.000.000)	(130.200.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		162.700.000.000	115.900.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.164.710.305	6.074.986.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		31.801.164.036	(31.294.445.517)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	2.500.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.313.800.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.822.577.625)	(18.225.275.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.822.577.625)	(21.039.075.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		38.399.236.012	(28.622.427.466)

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		36.002.265.230	64.624.531.423
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.649	161.273
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>74.401.578.891</u>	<u>36.002.265.230</u>

Phan Thị Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Hữu Trí
Kế toán trưởng



Lê Văn Hùng
Chủ tịch HĐQT
Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600667859 (số cũ: 4703000095) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 82.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 82.000.000.000 đồng; tương đương 8.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp;
- Kinh doanh điện, nước sạch;
- Dịch vụ xử lý nước thải.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07	năm
- Các tài sản khác	04 - 05	năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

006
ÁNH
TNHH
TOÁN
CHÍ M

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần đầu ngày 29/08/2007, Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Đồng thời, theo Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2014, với dự án đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Mức giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	22.519.785	8.326.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	879.059.106	593.938.365
Các khoản tương đương tiền	73.500.000.000	35.400.000.000
	74.401.578.891	36.002.265.230

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,87%/năm đến 5,4%.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Tiền gửi có kỳ hạn	23.500.000.000	23.500.000.000	71.500.000.000	71.500.000.000
	23.500.000.000	23.500.000.000	71.500.000.000	71.500.000.000

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Jocoo Dona	4.454.387.137	331.838.263
- Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh Sản xuất kinh doanh thức ăn Thủy sản	183.757.324	265.483.837
- Công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh Đông lạnh	10.044.009	325.155.774
- Công ty TNHH Sanlim Furniture	194.777.772	213.070.054
- Công ty ShingMark Vina	184.276.575	183.648.675
- Công ty TNHH Han-Soll Việt Nam	160.290.648	192.645.452
- Các khoản phải thu khách hàng khác	462.573.276	509.964.407
	5.650.106.741	2.021.806.462

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Ý Tân	178.000.000	-	178.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương	269.700.000	-	-	-
- Các công ty khác	41.250.000	-	41.250.000	-
	488.950.000	-	219.250.000	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	740.253.611	-	1.366.112.499	-
Tạm ứng	-	-	5.000.000	-
	<u>740.253.611</u>	<u>-</u>	<u>1.371.112.499</u>	<u>-</u>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Hệ thống thoát nước KCN Bàu Xéo 1	106.545.454	106.545.454
- Khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo ⁽¹⁾	47.245.126.999	46.925.126.999
- Đường nội bộ, song hành và các nút giao thông	4.339.808.620	6.539.001.818
- Nhà máy xử lý nước thải KCN	-	685.182.216
- Nhà xưởng cho thuê ⁽²⁾	1.047.004.000	1.047.004.000
- Hàng rào KCN Bàu Xéo 1	80.170.377	80.170.377
- Hàng mục cấp nước sạch	-	7.001.995.851
	<u>52.818.655.450</u>	<u>62.385.026.715</u>

(1) Dự án "Khu Trung tâm dịch vụ phục vụ KCN Bàu Xéo" đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận Đầu tư lần đầu số 47121000178 ngày 17/12/2008 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/05/2014, với những nội dung như sau:

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Diện tích xây dựng: khoảng 336.526,2 m². Cụ thể:
 - + Đất nhà ở: 130.782,6 m². Trong đó: đất chung cư (phát triển xã hội) 34.994,2 m²; đất chung cư (phục vụ công nhân) 20.450 m²; đất nhà liền kề (phục vụ công nhân) 62.327 m² và đất nhà biệt thự 13.011,4 m²;
 - + Đất công cộng - dịch vụ (cấp khu vực): 39.692,2 m²;
 - + Đất công cộng - dịch vụ (cấp khu ở): 12.369 m²;
 - + Đất công viên - cây xanh: 42.764,7 m²;
 - + Đất giao thông: 110.917,7 m²;
- Tổng mức vốn đầu tư: 414.200.884.000 đồng. Trong đó: mức vốn của Chủ sở hữu để thực hiện dự án là 113.490.290.000 đồng;
- Nội dung đầu tư:
 - + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà ở gồm: san nền cục bộ, hệ thống giao thông, cây xanh công viên, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp nước - PCCC, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện - chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc;
 - + Xây dựng hoàn chỉnh công trình: trường mầm non và cửa hàng thương mại dịch vụ;
 - + Các chi phí khác;
- Tiến độ thực hiện dự án: 06 năm (từ 2013 - 2019). Đến hết ngày 31/12/2016, Công ty đang trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng và hoàn thiện các thủ tục về đầu tư.

(2) Dự án "Xây dựng nhà xưởng cho thuê KCN Bàu Xéo" đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Quyết định số 92/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2010 và được điều chỉnh lại theo quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 15/02/2012; với những nội dung như sau:

- Địa điểm xây dựng: KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Tổng mức vốn đầu tư: 52.969.988.000 đồng;

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn huy động trước của khách hàng;
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và thuê tư vấn thực hiện một số công tác khác;
- Tiến độ thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015 (chỉ được phép thực hiện dự án khi có nhà đầu tư thuê). Tuy nhiên dự án đang tạm dừng thực hiện do chưa có nhà đầu tư thuê.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí đền bù KCN Bàu Xéo	140.664.399.490	140.283.496.761
Chi phí đo vẽ, thiết kế	1.783.390.807	1.827.975.579
Chi phí đền bù Trung tâm Dịch vụ Bàu Xéo	15.123.174.005	15.123.174.005
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	240.250.578	51.836.738
Chi phí san nền khu công nghiệp	8.902.658.856	8.985.225.328
Chi phí hoa hồng môi giới	2.741.903.493	2.812.900.457
	<u>169.455.777.229</u>	<u>169.084.608.868</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	171.422.120.137	5.658.665.873	11.821.162.537	188.976.000	2.408.616.162	191.499.540.709
- Mua trong năm	-	1.584.090.909	-	-	739.090.909	2.323.181.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.606.735.716	-	-	-	-	29.606.735.716
- Phân loại lại	(714.456.325)	-	-	714.456.325	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(114.600.000)	(114.600.000)
Số dư cuối năm	200.314.399.528	7.242.756.782	11.821.162.537	903.432.325	3.033.107.071	223.314.858.243
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	33.979.410.119	2.199.665.308	4.286.158.251	157.098.003	803.244.086	41.425.575.767
- Khấu hao trong năm	9.049.154.182	656.331.524	1.135.382.198	125.214.056	129.517.443	11.095.599.403
- Phân loại lại	(483.666.445)	-	-	483.666.445	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(114.600.000)	(114.600.000)
Số dư cuối năm	42.544.897.856	2.855.996.832	5.421.540.449	765.978.504	818.161.529	52.406.575.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	137.442.710.018	3.459.000.565	7.535.004.286	31.877.997	1.605.372.076	150.073.964.942
Tại ngày cuối năm	157.769.501.672	4.386.759.950	6.399.622.088	137.453.821	2.214.945.542	170.908.283.073
Trong đó:						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			4.101.158.960	VND		

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xây dựng cấp nước Đồng Nai	728.584.920	728.584.920	883.098.825	883.098.825
- Công ty TNHH MTV Xây dựng cao su An Lộc	2.537.769.482	2.537.769.482	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Môi trường SFC Việt Nam	811.282.908	811.282.908	1.778.597.493	1.778.597.493
- Công ty Cổ phần Xây dựng cao su Đồng Nai	-	-	3.039.502.000	3.039.502.000
- Công ty TNHH Tài Tiến	73.266.325	73.266.325	365.515.755	365.515.755
- Xi nghiệp Xây dựng Tín Nghĩa	503.433.438	503.433.438	512.000.000	512.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.151.926.212	1.151.926.212	1.713.412.593	1.713.412.593
	5.806.263.285	5.806.263.285	8.292.126.666	8.292.126.666

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	862.571.402	862.571.402	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	733.915.383	2.163.094.435	1.618.037.741	-	1.278.972.077
Thuế Thu nhập cá nhân	-	23.203.418	724.810.288	723.019.196	-	24.994.510
Thuế Tài nguyên	-	-	6.281.780	6.281.780	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	757.118.801	3.759.757.905	3.212.910.119	-	1.303.966.587

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm An Thái Nguyên	-	852.008.490
- Công ty TNHH Hyundai Tech Vina	173.085.240	173.085.240
- Công ty TNHH Hàn Việt	155.913.076	155.913.076
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Nhân	50.000.000	50.000.000
	378.998.316	1.231.006.806

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	-	232.561
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	842.200.000	624.777.625
- Phải trả Trung tâm phát triển quỹ đất tiền hỗ trợ bồi thường	7.929.104.574	7.531.497.054
	8.771.304.574	8.207.387.240

(*) Là tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án "Khu công nghiệp Bàu Xéo" tại xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo các quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai.

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng	8.994.334.992	8.829.303.005
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất	6.891.480	5.891.479
	9.001.226.472	8.835.194.484
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng	335.317.115.791	332.049.096.527
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất	236.436.863	238.495.011
	335.553.552.654	332.287.591.538

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	82.000.000.000	25.773.622.705	24.593.426.018	132.367.048.723
Lãi trong năm trước	-	-	22.889.375.079	22.889.375.079
Chia cổ tức	-	-	(18.040.000.000)	(18.040.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.229.671.301	(1.229.671.301)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.502.128.179)	(1.502.128.179)
Thưởng cho Ban điều hành, HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	(614.835.650)	(614.835.650)
Số dư cuối năm trước	82.000.000.000	27.003.294.006	26.096.165.967	135.099.459.973
Số dư đầu năm nay	82.000.000.000	27.003.294.006	26.096.165.967	135.099.459.973
Lãi trong kỳ trước	-	-	22.693.122.052	22.693.122.052
Chia cổ tức	-	-	(18.040.000.000)	(18.040.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.186.462.087	(2.186.462.087)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.515.000.000)	(1.515.000.000)
Thưởng cho Ban điều hành, HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	(572.234.377)	(572.234.377)
Số dư cuối năm nay	82.000.000.000	29.189.756.093	26.475.591.555	137.665.347.648

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	22.889.375.079
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,55	2.186.462.087
Thưởng cho Ban điều hành, HĐQT và Ban kiểm soát	2,50	572.234.377
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,62	1.515.000.000
Chi trả cổ tức	78,81	18.040.000.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.200 đ)		
Lợi nhuận chưa phân phối	2,52	575.678.615

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	28,98	23.766.000.000	28,98	23.766.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	36,07	29.577.600.000	36,07	29.577.600.000
Các cổ đông khác	34,95	28.656.400.000	34,95	28.656.400.000
	100	82.000.000.000	100	82.000.000.000

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.000.000.000	82.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>82.000.000.000</i>	<i>82.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>82.000.000.000</i>	<i>82.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(18.040.000.000)	(18.040.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(18.040.000.000)</i>	<i>(18.040.000.000)</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.200.000	8.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.200.000	8.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.200.000</i>	<i>8.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.200.000	8.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.200.000</i>	<i>8.200.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.189.756.093	27.003.294.006
	<u>29.189.756.093</u>	<u>27.003.294.006</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ	USD	248,49	250,14

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Shing Mark Vina	6.150.668	6.150.668
	<u>6.150.668</u>	<u>6.150.668</u>

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cho thuê đất	3.552.519.315	12.542.443.446
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	38.410.047.421	35.964.780.339
Doanh thu cung cấp nước sạch	11.311.078.000	12.305.770.500
Doanh thu xử lý nước thải	4.458.208.977	4.574.565.525
Doanh thu xử lý chất thải	1.358.994.000	1.710.359.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	300.000.000	300.000.000
	<u>59.390.847.713</u>	<u>67.397.918.810</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn cho thuê đất	927.991.069	7.562.187.250
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng	10.020.228.582	9.290.169.113
Giá vốn cung cấp nước sạch	10.766.765.347	11.308.751.224
Giá vốn xử lý nước thải	4.401.258.142	3.741.289.317
Giá vốn xử lý chất thải	1.265.092.108	1.599.827.158
	27.381.335.248	33.502.224.062

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.538.851.417	6.462.915.659
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	92.282
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	112.419	161.273
	5.538.963.836	6.463.169.214

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	69.584.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.770	-
Chi phí tài chính khác	-	14.921.176
	34.770	84.505.309

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	679.811.690	577.300.290
Chi phí nhân công	8.236.892.486	8.129.775.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.192.500.179	1.267.875.035
Thuế, phí, lệ phí	178.889.733	34.969.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.154.113.359	2.685.077.626
Chi phí khác bằng tiền	3.493.822.844	2.645.581.289
	15.936.030.291	15.340.579.011

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	3.284.324.952	33.453.566
Thu nhập khác	40.812.938	208.793.192
	3.325.137.890	242.246.758

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.937.549.130	25.176.026.400
Các khoản điều chỉnh tăng	1.153.111.162	1.455.625.857
- Chi phí không hợp lệ	1.153.111.162	1.099.744.800
- Chi phí sửa chữa lớn	-	355.881.057
Các khoản điều chỉnh giảm	(406.663.209)	(50.782.152)
- Chi phí phân bổ sửa chữa lớn đã tính thuế năm trước	(355.881.057)	-
- Doanh thu chưa thực hiện đã nộp thuế các năm trước	(50.782.152)	(50.782.152)
Thu nhập tính thuế TNDN	25.683.997.083	26.580.870.105
- Thu nhập chịu thuế suất 10%	19.824.699.876	20.839.866.661
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.859.297.207	-
- Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	5.741.003.444
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.163.094.435	2.305.014.091
- Chi phí thuế TNDN có thuế suất 10%	1.982.469.988	2.083.986.666
- Chi phí thuế TNDN có thuế suất 20%	1.171.859.441	-
- Chi phí thuế TNDN có thuế suất 22%	-	1.263.020.758
- Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	(991.234.994)	(1.041.993.333)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.163.094.435	2.305.014.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	733.915.383	669.612.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.618.037.741)	(2.240.710.715)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.278.972.077	733.915.383

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	406.257.247	487.589.890
	406.257.247	487.589.890

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.156.432	52.813.441
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	71.176.211	(71.176.211)
	81.332.643	(18.362.770)

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	22.693.122.052	22.889.375.079
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.693.122.052	22.889.375.079
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.200.000	8.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.767	2.791

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.050.265.690	577.300.290
Chi phí nhân công	9.851.076.969	9.789.263.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.095.599.403	9.119.925.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.076.144.633	2.685.077.626
Chi phí khác bằng tiền	9.244.278.844	26.671.236.244
43.317.365.539	48.842.803.073	

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2016	01/01/2016
		Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.401.578.891	-	36.002.265.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.390.360.352	-	3.392.918.961
Các khoản cho vay	23.500.000.000	-	71.500.000.000
	104.291.939.243	-	110.895.184.191
		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, phải trả khác		14.577.567.859	16.499.513.906
		14.577.567.859	16.499.513.906

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.401.578.891	-	-	74.401.578.891
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.390.360.352	-	-	6.390.360.352
Các khoản cho vay	23.500.000.000	-	-	23.500.000.000
	104.291.939.243	-	-	104.291.939.243
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.002.265.230	-	-	36.002.265.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.392.918.961	-	-	3.392.918.961
Các khoản cho vay	71.500.000.000	-	-	71.500.000.000
	110.895.184.191	-	-	110.895.184.191

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	14.577.567.859	-	-	14.577.567.859
	<u>14.577.567.859</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.577.567.859</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.499.513.906	-	-	16.499.513.906
	<u>16.499.513.906</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.499.513.906</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê cơ sở hạ tầng và diễn ra tại Khu Công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Cổ đồng		
- Trả cổ tức		5.228.520.000	5.228.520.000
- Mua hàng hóa dịch vụ		5.575.995.314	7.351.205.414
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Cổ đồng		
- Trả cổ tức		6.507.072.000	6.507.072.000

Công ty Cổ phần Thống Nhất
Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu,
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.004.509.954	3.142.463.802

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Phan Thị Thùy Dung Người lập	Nguyễn Hữu Trí Kế toán trưởng	Lê Văn Hùng Chủ tịch HĐQT Đồng Nai, ngày 03 tháng 01 năm 2017

